

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2019/HS-ST
Ngày 26-02-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Hồng Diện

Bà: Lý Thị Vui

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Lương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Xuân T, sinh năm 1977 tại huyện P, tỉnh B. Nơi cư trú: thôn P, thị trấn T, huyện Y, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Phạm Văn L, sinh năm 1942 và bà Phạm Thị Q, sinh năm 1942; có vợ là Lê Thị L1, sinh năm 1987, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2011;

Tiền án: Có 03 tiền án, tại bản án số 102/2013/HSST ngày 22-3-2013 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 10 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; tại bản án số 10/2015/HSST ngày 30-6-2015 của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (bản án 10/2015/HSST ngày 30-6-2015 của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm đối với bị cáo T là còn thiếu sót), tại bản án số 20/2016/HSST ngày 15-9-2016 của Tòa án nhân dân

huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (giá trị tài sản dưới 2.000.000 đồng); tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 16-11-1999 bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (đã được xóa án tích);

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 04-12-2018, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, có mặt

- *Người bị hại:*

+ Bà Vũ Thị N, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn C, xã Y, huyện Q, tỉnh G. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Phạm Văn S, sinh năm: 1975; nơi cư trú: Thị trấn T, huyện Y, tỉnh B. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người làm chứng:*

+ Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1988. Vắng mặt.

+ Bà Vũ Thị L, sinh năm: 1983. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 03/12/2018 Phạm Xuân T, sinh năm 1977, trú tại P, thị trấn T, huyện Y, tỉnh B điều khiển xe máy Honda Vision, màu đen BKS 21B1 – 130.51 (xe T mượn của anh trai là Phạm Văn S, sinh năm 1975, trú tại thị trấn T, huyện Y, tỉnh B từ trước, đi đâu làm gì T không nói cho anh S biết) từ huyện Y, tỉnh B đến huyện B, tỉnh G chơi. Sau đó thì T đi về theo đường tỉnh lộ 183 từ huyện B sang xã Y, huyện Q. Vào khoảng 12 giờ 50 phút cùng ngày T điều khiển xe đi qua quán may T của gia đình chị Vũ Thị N, sinh năm 1985, trú tại thôn C, xã Y, huyện Q, quan sát thấy quán mở cửa, hai bên đường không có người đi lại nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T điều khiển xe mô tô BKS 21B1 – 130.51 sang lề đường bên trái hướng Q đi huyện Y, tỉnh B cách cửa quán là 4,7 mét, T đi bộ vào trong quán. Vào trong quán thấy chị Nhài đang ngủ, trên bàn máy khâu tại vị trí bên trái hướng từ cửa vào có 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung J5, vỏ màu vàng trong có gắn 01 thẻ sim đang sạc pin để trên bàn máy khâu, T dùng tay trái cầm điện thoại, tay phải rút sạc điện thoại rồi cầm điện thoại trên tay trái đi ra ngoài. Khi đi ra ngoài cửa khoảng 02 mét thì bị chị N phát hiện và chạy ra giật lại điện thoại, sau khi chị N giật lại được điện thoại, T sợ bị bắt bỏ chạy ra chỗ để xe mô tô rồi điều khiển xe rời khỏi hiện trường, trong lúc bỏ chạy T làm rơi 01 chiếc dép giả da màu nâu, một mũ bảo hiểm màu nâu.

Sau khi sự việc xảy ra chị N xem lại camera an ninh của gia đình, xác định vào khoảng 12 giờ 55 phút ngày 03/12/2018 có đối tượng nam giới, mặc áo phong cộc tay màu đen đi vào cửa hàng của chị N. Chị N đã trích xuất camera và làm đơn trình báo sự việc đến Công an xã Y, huyện Q. Sau đó Công an xã Y đã chuyển toàn bộ tài liệu đến Công an huyện Bắc Quang để giải quyết theo thẩm quyền. Qua nghiên cứu các tài liệu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang, xác định đối tượng thực hiện hành vi phạm tội là Phạm Xuân T. Qua đấu tranh đối tượng Phạm Xuân T thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình vào ngày 03/12/2018 tại thôn C, xã Y, huyện Q.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn S khai: Ông có cho Phạm Xuân T mượn chiếc xe máy Honda Vision, màu đen BKS 21B1 – 130.51, khi mượn xe T không nói cho ông biết T mượn xe để làm gì. Phạm Xuân T dùng xe mô tô mượn của ông S để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật ông không biết, hiện tại ông đã nhận lại chiếc xe máy Honda cho Phạm Xuân T mượn nói trên, ông không có yêu cầu đề nghị gì đối với bị cáo.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐG ngày 10/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bắc Quang kết luận: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung J5, vỏ ngoài màu vàng có trị giá là 1.500.000 đồng; 01 sim điện thoại di động Viettel có trị giá là 25.000 đồng. Tổng trị giá tài sản 1.525.000 đồng.

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số 07/CT-VKSBQ ngày 28/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố Phạm Xuân T về tội: Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ Luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Xuân T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố đối với Phạm Xuân T theo bản cáo trạng.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, Điều 38 điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Phạm Xuân T: từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 04-12-2018)

Về Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại được tài sản, nay không còn yêu cầu nào khác do vậy không đề cập xử lý.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu và tiêu hủy 01 chân dép trái giả da, bị rách, màu nâu, có chữ Fashion, dép cũ đã sử dụng; trả lại cho bị cáo 01 mũ bảo hiểm, màu nâu, phía trước có chữ HCKT, có dây cài, mũ bảo hiểm cũ đã sử dụng; 01 áo

phông, màu đen, phía trước có kẻ sọc ngang màu vàng xám, xanh, phía trước áo có chữ adidas, áo cũ đã sử dụng; 01 quần vải thô, màu đen, phía bên trong cặp quần có chữ VIETTIEN, quần cũ đã sử dụng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Hành vi của bị cáo là sai và vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

Về sự vắng mặt của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng: Tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt, nhưng trước đó đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của Phạm Xuân T tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu như: Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản, biên bản hiện trường, bản ảnh hiện trường và 01 đĩa CD người bị hại đã cung cấp cùng lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 03 tháng 12 năm 2018, bị cáo Phạm Xuân T đã có hành vi trộm cắp tài sản của chị Vũ Thị N 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung J5, vỏ màu vàng trong có gắn 01 thẻ sim có tổng giá trị là 1.525.000 đồng. Giá trị tài sản Phạm Xuân T trộm cắp dưới 2.000.000 đồng, nếu theo quy định thì chưa đến mức phải chịu trách nhiệm hình sự, tuy nhiên Phạm Xuân T có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích do đó hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định: “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

a)...

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố bị cáo Phạm Xuân T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ. Đồng thời còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người bị hại để lén lút trộm cắp tài sản của người khác nhằm mục đích phục vụ chi tiêu cá nhân. Do vậy cần phải xử lý bị cáo với mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có tiền án chưa được xóa án tích lại phạm tội do cố ý, tuy bị cáo có tiền án nhưng đã là tình tiết định tội nên không sử dụng để đánh giá tình tiết tăng nặng, do vậy bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Ngoài ra bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 16-11-1999 bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Mặc dù đã được xóa án tích, nhưng bị cáo không những không biết tu dưỡng rèn luyện đạo đức mà lại tiếp tục vi phạm pháp luật với lỗi cố ý.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại đoạn 1 điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên cũng được xem xét khi áp dụng mức hình phạt, để thể hiện chính sách khoan hồng đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có thu nhập ổn định. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về dân sự: bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại được tài sản, nay không còn yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5, loại màn hình cảm ứng, vỏ ngoài màu vàng và 01 sim điện thoại di động Viettel; 01 xe mô tô BKS 21B1 – 130.51 quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã trả lại cho chủ sở hữu. Hội đồng xét xử thấy việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật, nên không xem xét.

Đối với 01 mũ bảo hiểm, màu nâu, phía trước có chữ HCKT, có dây cài, mũ bảo hiểm cũ đã sử dụng; 01 áo phông, màu đen, phía trước có kẻ sọc ngang màu vàng xám, xanh, phía trước áo có chữ adidas, áo cũ đã sử dụng; 01 quần vải thô, màu đen, phía bên trong cạp quần có chữ VIETTIEN, quần cũ đã sử dụng. Hội đồng xét xử thấy đây là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 chân dép trái giả da, bị rách, màu nâu, có chữ Fashion, dép cũ đã sử dụng, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173, Điều 38, đoạn 1 điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; khoản 2, 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Xuân T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 04-12-2018).

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu và tiêu hủy 01 chân dép trái giả da, bị rách, màu nâu, có chữ Fashion, dép cũ đã sử dụng;

Trả lại 01 mũ bảo hiểm, màu nâu, phía trước có chữ HCKT, có dây cài, mũ bảo hiểm cũ đã sử dụng; 01 áo phông, màu đen, phía trước có kẻ sọc ngang màu vàng xám, xanh, phía trước áo có chữ adidas, áo cũ đã sử dụng; 01 quần vải thô, màu đen, phía bên trong cạp quần có chữ VIETTIEN, quần cũ đã sử dụng cho bị cáo Phạm Xuân T;

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan công an huyện Bắc Quang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 28-01-2019).

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Xuân T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- Người bị hại; Người có QLNVLQ;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hà Tuấn Vĩnh